TRAO ĐỔI Ý KIẾN

TÔN GIÁO HỌC PHẢI CHĂNG LÀ MỘT CHUYÊN NGÀNH CỦA TRIẾT HỌC? (qua thực tế đào tạo sau đại học ở Việt Nam hiện nay)

LÊ TÂM ĐẮC(*)

1. Tôn giáo xuất hiện cách ngày nay khoảng 7 - 8 vạn năm[1]. Sau khi ra đời, hiện tượng liên quan mật thiết đến đời sống tinh thần và đời sống xã hội này đã được con người sớm quan tâm nghiên cứu. Ban đầu, nghiên cứu tôn giáo do bản thân các tôn giáo tiến hành nhằm phát triển tôn giáo và duy trì tính thiêng liêng tín ngưỡng của mình. Nhưng do lấy tín ngưỡng của mình làm tiền đề, nên những nghiên cứu này thường nhằm bảo vệ tôn giáo mình và bài bác tôn giáo khác. Sau này, cùng với sự ra đời và phát triển của các ngành khoa học xã hội và nhân văn, tôn giáo trở thành đối tượng nghiên cứu của các ngành sử học, khảo cổ học, triết học, ngôn ngữ học, văn học, dân tộc học, xã hội học, tâm lí học, chính trị học,... Các ngành khoa học xã hội và nhân văn này tiếp cận tôn giáo với tư cách là một phương diện của bộ môn khoa học của mình, do đó đã không làm nổi bật được vai trò của nghiên cứu tôn giáo.

Tôn giáo học (The Science of Religion), với tư cách là một bộ môn khoa học nhân văn, được cho là chính thức xuất hiện vào năm 1873, với tác phẩm *Tôn giáo học dẫn luận*[0] của nhà Phương Đông học người Đức quốc tịch Anh Friedrich Max Muller (1823-1900), một người gần như dành cả cuộc đời cho nghiên cứu triết học và tôn giáo học ở Viện Nghiên cứu Khoa học Anh quốc, thuộc Hội Khoa học Hoàng gia Anh quốc. Trong tác phẩm này, F.M. Muller đã đưa ra những luận điểm hết sức cơ bản khi nghiên cứu về tôn giáo học như: tôn giáo học là một môn học tìm hiểu bản chất của tôn giáo, tôn giáo học không phải là "thần học" mà là "nhân học", phải dùng phương pháp so sánh khi nghiên cứu các hiện tượng tôn giáo, chỉ hiểu một loại tôn giáo là không hiểu tôn giáo,v.v... Cho dù một số quan điểm của ông, đặc biệt là những kiến giải về nguồn gốc tôn giáo, đã không còn được sử dụng ngay khi ông còn sống nhưng chỉ với câu nói: "Nên tiến hành so sánh một cách thực sự khoa học, không thiên lệch, tất cả các tôn giáo của nhân loại, chí ít thì cũng nên tiến hành với những tôn giáo quan trọng nhất; trên cơ sở đó xây dựng bộ môn tôn giáo học, hiện nay chỉ còn là vấn

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Theo Lã Đại Cát, manh nha đầu tiên của tôn giáo xuất hiện cách ngày nay khoảng 15 vạn năm. Xem: Lã Đại Cát (Trần Nghĩa Phương dịch). *Tương lai của tôn giáo*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10/2007, tr.12.

2. Bản thảo của tập sách này có tên gọi *Bốn bài giảng tôn giáo học* được Friedrich Max Muller viết vào khoảng tháng 2 năm 1870. Xem: Trương Chí Cương (Trần Nghĩa Phương dịch). *Tôn giáo học là gì?* Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2007, tr.10-11.

đề thời gian thôi"[3] thì tên tuổi và sự nghiệp của ông cũng xứng đáng được ghi vào lịch sử ngành tôn giáo học.

Từ cuối thế kỉ XIX đến nay, ngành khoa học non trẻ này phát triển khá nhanh nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là ở khu vực Châu Âu và Châu Mỹ. Rất nhiều trường đại học danh tiếng Phương Tây như: Đại học Harvard, Đại học California, Đại học Boston (Hoa Kỳ); Đại học Oxford, Đại học Edinburgh (Anh); Đại học Amsterdam, Đại học Utrecht (Hà Lan); Đại học Stockholm, Đại học Uppsala (Thụy Điển); Đại học Strasbourg, Đại học Sorbonne (Pháp); Đại học Berlin, Đại học Gottingen, Đại học Leipzig, Đại học Marburg, Đại học Munich (Đức),v.v... đã thành lập và giảng dạy bộ môn tôn giáo học.

Đặc điểm nổi bật của ngành tôn giáo học là một bộ môn khoa học nhân văn với tính giao thoa liên ngành và tính tổng hợp rất lớn. Muốn nghiên cứu hiện tượng tôn giáo thì không thể không nghiên cứu cụ thể các quan hệ của tôn giáo với lịch sử, văn hoá, dân tộc, xã hội, chính trị, pháp luật, kinh tế, triết học, khoa học, văn học, nghệ thuật,v.v...

2. Sau hơn 100 năm hình thành và phát triển, tôn giáo học Phương Tây đã và đang trở thành một ngành khoa học nhân văn độc lập và hoàn chỉnh, với hàng chục chuyên ngành nghiên cứu. Điều này đã được phản ánh trong nhiều tác phẩm của các học giả nổi tiếng ở Phương Tây, bên cạnh *Tôn giáo học dẫn luận* của F.M. Muller như đã nêu còn là: *Sách giáo khoa lịch sử tôn giáo* của Pierre Daniel Chantepie, *Cành vàng - Nghiên cứu ma thuật và tôn giáo* của James G. Frazer, *Khoa học, tôn giáo và hiện thực* của Bronislaw Kasper Malinowski, *Hình thức cơ bản của đời sống tôn giáo* của Emile Durkheim, *Xã hội học tôn giáo* của Max Weber, *Các loại kinh nghiệm tôn giáo* của William James, *Hiện tượng học tôn giáo* của Gerardus van der Leeuw, *Tôn giáo là gì? Quan niệm trong lịch sử và hiện trạng với chủ thể nghiên cứu của nó* của F.Wargner, *Lịch sử tôn giáo so sánh* của E.J.Sharp,... cũng như ở Phương Đông như: *Tôn giáo học thông luận* và *Lịch sử các học thuyết tôn giáo Phương Tây* của Lã Đại Cát, *Tôn giáo học khái luận* do La Trúc Phong chủ biên,... Nó được tổng hợp một cách khái quát và cụ thể trong hai tác phẩm tiêu biểu của các học giả Trung Quốc sau này, đó là: *Tôn giáo học là gì?* của Trương Chí Cương, một bộ giáo trình dành cho sinh viên tất cả các khoa của Trường Đại học Bắc Kinh, và *Lí giải tôn giáo* của Trác Tân Bình, một cuốn sách tham khảo trong danh mục những tài liệu bắt buộc phải đọc của nghiên cứu sinh Khoa Tôn giáo, Viện Nghiên cứu sinh, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc. Dưới đây, chúng tôi xin được tóm lược các chuyên ngành cũng như một số vấn đề liên quan đến bộ môn tôn giáo học từ tư liệu của hai tác phẩm này:

Sử học tôn giáo: đại biểu tiêu biểu của chuyên ngành này là các học giả nổi tiếng người Đức như Hermann Gunkel (1862-1932), Wilhelm Bousset (1865-1920), Johnnes Weib (1863-1914), William Wrede (1859-1906); học giả người Thụy Điển Nathan Soderblom (1866-1931); học giả người Hà Lan Daniel Chantepie de le Saussaye (1848-1920). Chuyên ngành này tập trung nghiên cứu sự phát triển theo "chiều dọc" của các tôn giáo. Sử học tôn giáo là cơ sở, là tiền đề cơ bản cho các chuyên ngành khác của tôn giáo học. ở nhiều nước Phương Tây, như Pháp, Thụy Điển, Đức, Hà Lan,... tôn giáo học lúc đầu xuất hiện với diện mạo của sử học tôn giáo.

3. Dẫn lại theo: Trương Chí Cương (Trần Nghĩa Phương dịch). *Tôn giáo học là gì?* Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2007, tr.18.

Tôn giáo học so sánh: với đại diện tiêu biểu nhất là Friedrich Max Muller, một học giả như đã nói, được cho là sáng lập ra bộ môn tôn giáo học. Tôn giáo học so sánh lấy sử học tôn giáo làm cơ sở, sử dụng thành quả nghiên cứu của sử học tôn giáo, nhưng không phát triển theo "chiều dọc" của nghiên cứu lịch sử tôn giáo, mà nhấn mạnh sự so sánh theo "chiều ngang" giữa các tôn giáo. Trên cơ sở nghiên cứu theo "chiều ngang", mục đích của tôn giáo học so sánh là tìm ra tính phổ biến và tính đặc thù của tín ngưỡng nhân loại thể hiện trong các tôn giáo, hiểu được sự tương đồng, dị biệt và quan hệ giữa chúng, nắm được các loại quy luật của phát triển tôn giáo. Bên cạnh đó, nghiên cứu của tôn giáo học so sánh còn để phân loại các hình thức tôn giáo khác nhau như: tôn giáo độc thần với tôn giáo đa thần, tôn giáo tiên tri với tôn giáo thần bí, tôn giáo tự nhiên với tôn giáo lịch sử, tôn giáo nguyên thuỷ với tôn giáo văn hoá,v.v...

Hiện tượng học tôn giáo: Nếu tôn giáo học so sánh chủ yếu so sánh bên ngoài, thì hiện tượng học tôn giáo nhấn mạnh so sánh bên trong. Hiện tượng học tôn giáo không xem xét sự phát triển theo "chiều dọc" của lịch sử tôn giáo, cũng không xem xét mối liên hệ theo "chiều ngang" về hình thức bề ngoài của tôn giáo, mà nó vận dụng lí luận của hiện tượng học và giải thích học để lí giải nguồn gốc, bản chất và quy luật của tôn giáo. Hiện tượng học tôn giáo chia thành các khuynh hướng khác nhau: khuynh hướng miêu thuật thuần tuý với các học giả tiêu biểu như P.D.Chantepie, E. Lehmann, F.Pfister; khuynh hướng triết học với M. Scheler, G.Wobbermin, R.Winkler; khuynh hướng chú trọng lí giải hiện tượng học với R.Otto, H. Frick, N.Soderblom, G. van der Leeuw, C.J.Bleeker. Để khu biệt với hiện tượng học triết học, ở Phương Tây, hiện tượng học tôn giáo còn được biểu đạt bằng một số tên gọi khác như loại hình học tôn giáo, bản thể luận tôn giáo, tôn giáo học hệ thống,v.v...

Nhân học tôn giáo: đại diện tiêu biểu là các nhà nhân học nổi tiếng như Lewis Henry Morgan (1818-1881) người Mỹ, Edward Burnett Tylor (1832-1917) người Anh, Sir James G.Frazer (1854-1941) người Anh, Robert H. Codrington (1830-1922) người Anh, Bronislaw Kasper Malinowski (1884-1942) người Ba Lan, Robert R. Marett (1866-1943) người Anh,v.v... Cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, nhân học tôn giáo chủ yếu nghiên cứu các tôn giáo nguyên thuỷ, tôn giáo cổ đại hoặc tôn giáo của các tộc người không có chữ viết. Sau này, nhân học tôn giáo chuyển trọng tâm nghiên cứu sang góc độ văn hoá của truyền thống tôn giáo, nhất là tác dụng quan trọng của nó trong quá trình hình thành các tập quán văn hoá, củng cố trật tự văn hoá xã hội.

Xã hội học tôn giáo: chuyên ngành này bắt đầu hình thành từ đầu thế kỉ XX, đại diện tiêu biểu là các học giả nổi tiếng như Emile Durkheim (1858-1917) người Pháp, Max Weber (1864-1920) người Đức, P.L.Berger người Mỹ, E.Troeltsch người Đức, H. Richard Niebuhr người Mỹ, Herbert Spencer người Anh,v.v... K.Marx và F.Engels, những người sáng lập ra chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa xã hội khoa học, cũng được cho là thành viên của chuyên ngành này. Xã hội học tôn giáo tập trung nghiên cứu những hành vi xã hội có liên quan đến hoạt động tôn giáo, hoặc trực tiếp được quyết định bởi hình thức và nội dung của tôn giáo. Chuyên ngành này chia thành các trường phái khác nhau. Nếu như trường phái xã hội học tôn giáo các nước Anh, Pháp tập trung nghiên cứu tôn giáo trong xã hội nguyên thuỷ, thì xã hội học tôn giáo các nước Đức, Mỹ lại chú trọng nghiên cứu tôn giáo trong xã hội văn minh và xã hội công nghiệp hiện đại.

Tâm lí học tôn giáo: chuyên ngành này được hình thành trên cơ sở hai trường phái của tâm lí học hiện đại là tâm lí học thực nghiệm và tâm lí học tầng sâu. Tâm lí học tôn giáo nghiên cứu sự thể nghiệm tâm lí, tình cảm, tinh thần của con người về tôn giáo, từ đó nêu ra các loại kinh nghiệm và cảm xúc tôn giáo của con người. Tâm lí học tôn giáo chia thành các trường phái như: trường phái phân tâm học với các học giả Sigmund Freud (1856-1939) người áo, Carl Gustav Jung (1875-1961) người Thụy Sĩ, Erich Fromm (1900-1980) người Mỹ,v.v...; trường phái kinh nghiệm học gắn liền với tên tuổi các học giả William James (1842-1910) người Mỹ, Rudolf Otto (1869-1937) người Đức,v.v...

Ngôn ngữ học tôn giáo: Ngôn ngữ học tôn giáo là công cụ cơ bản của tôn giáo học. Bởi vì, muốn nghiên cứu một hiện tượng tôn giáo, bất kể từ phương diện nào, trước tiên đều gặp phải hình thức biểu đạt ngôn ngữ vốn có của tôn giáo đó. Ngôn ngữ học tôn giáo phát triển mạnh mẽ từ giữa thế kỉ XX đến nay, với đại diện tiêu biểu là các nhà triết học tôn giáo đương đại Anh Quốc như John Wissdom (1904-?), Alfred Jules Ayer (1910-1989), R.M.Hare (1919-?), Antony Flew (1923-?), Basil Mitchell (1917-?), John Hick (1922-?). Các học giả thuộc ngôn ngữ học tôn giáo, chủ yếu xuất phát từ lĩnh vực triết học tôn giáo, tập trung nghiên cứu và tranh luận về ý nghĩa của mệnh đề thần học và từ ngữ dùng trong tôn giáo.

Văn hoá học tôn giáo: Văn hoá học tôn giáo là sự kết hợp giữa nghiên cứu tôn giáo và nghiên cứu văn hoá. Đại diện tiêu biểu của chuyên ngành này, bên cạnh Max Weber và Bronislaw Kasper Malinowski, còn là những học giả rất nổi tiếng như Christopher Dawson (1889-1970) người Anh, Arnold Joseph Toynbee (1889-1975) người Anh, Ernst Cassier (1874-1945) người Đức. Trên cơ sở tiếp thu thành quả của khoa học nhân văn đương đại, đặc biệt là sự giải thích lại hai phạm trù cơ bản là "tôn giáo" và "văn hoá", văn hoá học tôn giáo tập trung nhấn mạnh mối quan hệ nội tại lâu đời, phức tạp giữa tôn giáo và văn hoá, ý nghĩa then chốt của loại quan hệ này đối với việc nghiên cứu toàn diện và sâu sắc hiện tượng tôn giáo, thậm chí cả chỉnh thể văn hoá. Văn hoá học tôn giáo cho rằng, "tôn giáo" và "văn hoá" tạo thành một cặp "quan hệ phạm trù" tồn tại nương tựa vào nhau.

Triết học tôn giáo: Triết học tôn giáo chú trọng nghiên cứu bản chất của tôn giáo. Từ góc độ thế giới quan và bản thể luận triết học, triết học tôn giáo tập trung xác định khái niệm "tôn giáo" về mặt nhận thức, trình bày rõ bản chất tôn giáo, nguồn gốc tôn giáo, đồng thời phân tích sự diễn biến và dị hoá của tôn giáo trong quá trình lịch sử. Căn cứ vào bản chất tôn giáo, triết học tôn giáo chia tôn giáo về mặt hình thức ra thành các loại: tôn giáo dân gian, tôn giáo tự nhiên, tôn giáo thiên khải, tôn giáo nhân văn, tôn giáo dân tộc, tôn giáo thế giới, tôn giáo có tính triết lý, tôn giáo có tính pháp luật, tôn giáo có tính luân lí,v.v... Từ yếu tố tín ngưỡng và quan niệm thần linh, tôn giáo được chuyên ngành này chia thành: đa thần luận, nhất thần luận, phiếm thần luận, tự nhiên thần luận, nhân cách thần luận, vũ trụ thần luận, vạn vật hữu thần luận, vô thần luận,v.v...

Ngoài những chuyên ngành tiêu biểu nêu trên, tôn giáo học còn có một số chuyên ngành khác như: địa lí học tôn giáo, sinh thái học tôn giáo, phê bình học tôn giáo, thần học tôn giáo,v.v...[4].

4. Chi tiết, xin xem: Trương Chí Cương (Trần Nghĩa Phương dịch). *Tôn giáo học là gì?* Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2007; và Trác Tân Bình (Trần Nghĩa Phương dịch). *Lí giải tôn giáo*. Nxb Hà Nội, năm 2007.

Xin lưu ý, sự phân chia các chuyên ngành của bộ môn tôn giáo học nêu trên chỉ mang tính chất tương đối do đối tượng nghiên cứu của các học giả là khá đa diện. Cho nên, có thể xếp Max Weber vừa thuộc chuyên ngành xã hội học tôn giáo vừa thuộc chuyên ngành văn hoá học tôn giáo. Bronislaw Kasper Malinowski vừa thuộc nhân học tôn giáo vừa thuộc văn hoá học tôn giáo. John Wissdom vừa thuộc triết học tôn giáo vừa thuộc ngôn ngữ học tôn giáo. John Hick vừa thuộc triết học tôn giáo, hiện tượng học tôn giáo vừa thuộc ngôn ngữ học tôn giáo,v.v...

3. Một trong những biểu hiện chứng tỏ sự phát triển độc lập và hoàn chỉnh của một bộ môn khoa học là phương pháp nghiên cứu riêng biệt. Về vấn đề này, trước hết và nhìn chung, tôn giáo học lấy nhiều ngành khoa học xã hội nhân văn làm bộ môn hỗ trợ cho nghiên cứu khoa học của mình. Bên cạnh việc vay mượn phương pháp nghiên cứu của một số ngành khoa học, tôn giáo học còn hình thành nên những phương pháp nghiên cứu riêng của mình. Về đại thể, tôn giáo học có những phương pháp nghiên cứu cơ bản sau đây:

Phương pháp nghiên cứu theo chiều dọc, tức là nghiên cứu lịch sử tôn giáo. Từ góc độ lịch sử, phương pháp này rất hữu hiệu trong việc tìm hiểu nguồn gốc ra đời, quá trình biến thiên qua các giai đoạn lịch sử của tôn giáo, hiện trạng phát triển của tôn giáo, tái hiện diện mạo tôn giáo cổ đại, nguyên nhân thăng trầm của tôn giáo các dân tộc,... từ đó nghiên cứu tổng thể quy luật phát triển của tôn giáo.

Phương pháp nghiên cứu theo chiều ngang, tức là nghiên cứu so sánh giữa các tôn giáo. Trên cơ sở so sánh các tôn giáo khác nhau, phương pháp này chú trọng tìm hiểu bản chất và ý nghĩa chung của tôn giáo, quy nạp các hình thức và đặc trưng điển hình của tôn giáo. Có hai cách thức trong so sánh tôn giáo: Một là, so sánh về mặt hình thức, tức là so sánh quá trình phát triển, hình thức kết cấu của tôn giáo (gồm kết cấu xã hội của tôn giáo như tổ chức, đoàn thể,...; lí luận của tôn giáo như thần thoại, giáo lí, học thuyết,...; hoạt động thực tiễn của tôn giáo như nghi thức, lễ bái, hiến tế,...). Hai là, so sánh về mặt nội dung, tức là nghiên cứu những điểm chung, bản chất trong các tôn giáo khác nhau.

Phương pháp hiện tượng học tôn giáo. Phương pháp này xuất phát từ so sánh tôn giáo, nhưng nó chú trọng so sánh bên trong để tìm ra bản chất, phát hiện loại hình, những điểm tương đồng và dị biệt giữa các tôn giáo. Trong khi sử học tôn giáo chú trọng tìm hiểu tôn giáo nảy sinh cái gì và nảy sinh như thế nào thì hiện tượng học tôn giáo lại tập trung giải thích ý nghĩa của việc phát sinh tôn giáo. Hiện tượng học tôn giáo không lưu tâm đến sự phát triển lịch sử của tôn giáo, mà chủ yếu chỉ rút ra những cấu trúc khác nhau trong những hiện tượng tôn giáo phức tạp.

Bên cạnh đó, tôn giáo học cũng chú trọng tới phương pháp nghiên cứu có liên quan đến hoàn cảnh văn hoá - xã hội của tôn giáo. Phương pháp nghiên cứu này một mặt chú ý đến những tác động của sự phát triển tôn giáo đối với sự phát triển của văn hoá - xã hội nhân loại, mặt khác, nó cũng nhấn mạnh tác dụng ngược trở lại của văn hoá - xã hội của nhân loại đối với sự hình thành và phát triển của tôn giáo. Đây là một sự bổ sung rất có giá trị với phương pháp nghiên cứu chỉ nhấn mạnh mô tả sự kiện tôn giáo và lịch sử tư tưởng thuần tuý[5].

Cùng với những phương pháp nghiên cứu cơ bản, một trong những vấn đề liên quan mật thiết đến sự hình thành và phát triển của bộ môn tôn giáo học là

5. Xem: Trác Tân Bình (Trần Nghĩa Phương dịch). *Lí giải tôn giáo.* Nxb Hà Nội, năm 2007, tr.240-243.

mục đích của việc nghiên cứu tôn giáo. Ở Phương Tây, tôn giáo học từng có mối liên hệ nhất định đối với các giáo sĩ truyền giáo của Kitô giáo (Chính Thống giáo, Công giáo và Tin Lành giáo). Một số nghiên cứu có liên quan đến tôn giáo hiện còn tồn tại là do các giáo sĩ thực hiện trong quá trình truyền giáo. Những nghiên cứu này nhằm tìm ra những điểm tương đồng giữa tôn giáo bản địa với Kitô giáo, tạo điều kiện thuận lợi trong việc truyền bá tôn giáo này ở những vùng xa lạ. Việc tìm hiểu sâu sắc văn hoá tôn giáo các dân tộc khác đã làm cho không ít nhà truyền giáo Phương Tây từ bỏ những thiên kiến của mình, chú ý hơn đến đối thoại, lí giải giữa các tôn giáo, các tư tưởng văn hoá khác nhau. Bên cạnh đó, mục đích nghiên cứu tôn giáo của một số nhà thần học Phương Tây để khẳng định Kitô giáo là "tôn giáo tuyệt đối".

Tuy nhiên, rõ ràng về mặt bản chất, mục đích nghiên cứu của tôn giáo học và thần học là có khác nhau, tuy ở một mức độ nhất định, kết quả nghiên cứu của chúng có thể bổ sung cho nhau.

Mục đích nghiên cứu của thần học là nghiên cứu một loại "tôn giáo khải thị" nào đó, chẳng hạn như Công giáo, Tin Lành giáo, Do Thái giáo, Islam giáo,v.v... Mục đích của thần học đều luận chứng cho quan điểm tôn giáo của mình là tôn giáo chân thực duy nhất. Việc lấy bản thân tôn giáo mình làm mục đích này của thần học nhằm phục vụ cho những mục tiêu thực tế của các tôn giáo như đào tạo đội ngũ chức sắc tôn giáo, duy trì giáo lí tôn giáo, thúc đẩy đời sống tu tập của tín đồ,v.v...

Trái lại, mục đích nghiên cứu của tôn giáo học là tìm hiểu đặc điểm của các tôn giáo, những mối liên hệ và đặc điểm chung trong các tôn giáo khác nhau. ở phương diện vĩ mô, tôn giáo học đề cập đến toàn bộ các lĩnh vực tôn giáo của nhân loại, ở phương diện vi mô, nó nghiên cứu đặc điểm và chi tiết, từ đó tổng kết quy luật phát triển của một tôn giáo cụ thể. Do vậy, mục đích của tôn giáo học không phải là để bảo vệ tôn giáo, không phải lấy tín ngưỡng làm tiền đề, thông qua nghiên cứu để phát triển tín ngưỡng, mà là lí giải khoa học về tôn giáo thông qua việc nghiên cứu một cách sâu sắc toàn bộ hiện tượng và bản chất của tôn giáo.

4. Tại Việt Nam, tôn giáo học xuất hiện từ đầu thập kỉ 90 của thế kỉ XX, nghĩa là sau các nước Phương Tây khoảng 100 năm, với việc thành lập những cơ sở nghiên cứu và đào tạo về tôn giáo dưới góc độ một bộ môn khoa học nhân văn, như Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam năm 1993 (tiền thân là Ban Nghiên cứu Khoa học về Tôn giáo, rồi Trung tâm Khoa học về Tôn giáo năm 1991), Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh năm 2006 (tiền thân là Bộ môn Khoa học về Tín ngưỡng và Tôn giáo năm 1995, rồi Trung tâm Khoa học về Tín ngưỡng và Tôn giáo năm 1998), bộ môn Tôn giáo học thuộc Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội năm 2000. Gần đây nhất, năm 2008, là sự thành lập các Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo đương đại thuộc Khoa Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong những cơ quan nghiên cứu và giảng dạy nêu trên, Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam là cơ sở duy nhất tại Việt Nam được phép đào tạo tôn giáo học ở cấp tiến sĩ. Tuy nhiên, điều đáng nói là hiện nay, *Bộ Giáo dục và Đạo tạo Việt Nam lại xếp tôn giáo học là một trong những chuyên ngành của triết học*, với mã số đào tạo là

62.22.90.01. Điều này đã và đang gây ra một số vướng mắc đối với công tác đào tạo tiến sĩ tôn giáo học của Viện Nghiên cứu Tôn giáo. Trong các buổi bảo vệ, hầu hết các luận án tiến sĩ tôn giáo học đều bị góp ý là nội dung thiếu tính triết học, hoặc không sử dụng các phương pháp đặc thù của triết học trong nghiên cứu, v.v... Theo chúng tôi, sự góp ý này có những điểm chưa thực sự hợp lí.

Như đã trình bày một cách khái quát ở trên, sau trên 100 năm hình thành và phát triển, tuy vẫn còn một vài quan điểm chưa hoàn toàn thống nhất trong đánh giá về đối tượng và phương pháp nghiên cứu, nhưng theo chúng tôi, rõ ràng tôn giáo học đã và đang trở thành một bộ môn khoa học nhân văn độc lập và hoàn chỉnh. Ngược dòng lịch sử, đã từng có một thời kì, nhiều nước trên thế giới lẫn ở Việt Nam, tôn giáo chủ yếu được tiếp cận dưới góc độ triết học. Chúng tôi tán đồng với nhiều ý kiến rằng, nếu chỉ tiếp cận dưới góc độ triết học, tức một hình thái ý thức xã hội, sẽ là chưa đầy đủ khi nghiên cứu về tôn giáo. Bởi vì, bên cạnh là một hình thái ý thức xã hội, tôn giáo còn là một hiện tượng xã hội và một hệ thống xã hội bao gồm nhiều nhân tố. Do vậy, xét dưới góc độ tôn giáo học, triết học tôn giáo thậm chí chỉ là một chuyên ngành của bộ môn khoa học non trẻ này.

Khi tôn giáo học là một ngành khoa học độc lập, bên cạnh những phương pháp nghiên cứu cơ bản và đặc thù của mình, thì tuỳ từng đề tài, tuỳ từng đối tượng nghiên cứu mà phương pháp nghiên cứu bổ trợ nào được chú trọng ưu tiên sử dụng. Xin được dẫn một số ví dụ từ đề tài cụ thể của các nghiên cứu sinh tôn giáo học khoá 1 và 2 của Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã và đang thực hiện trong thời gian qua. Với đề tài *Mối quan hệ giữa Tôn giáo và Dân tộc Việt Nam từ Cách mạng Tháng Tám 1945 đến nay* của nghiên cứu sinh Vũ Văn Hậu, thứ tự các phương pháp nghiên cứu bổ trợ sẽ gồm chính trị học tôn giáo, triết học tôn giáo, sử học tôn giáo,...Với đề tài *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ* của nghiên cứu sinh Lê Tâm Đắc, các phương pháp nghiên cứu bổ trợ được sử dụng sẽ là sử học tôn giáo, triết học tôn giáo, văn hoá học tôn giáo,... Với đề tài *Dòng tu nữ Công giáo ở Giáo phận Xuân Lộc trong giai đoạn hiện nay* của nghiên cứu sinh Đinh Thị Xuân Trang, thì các phương pháp bổ trợ sẽ gồm nhân học tôn giáo, xã hội học tôn giáo, sử học tôn giáo, triết học tôn giáo,... Với đề tài *Tổ chức xứ, họ đạo Công giáo ở Đồng bằng Bắc Bộ đến trước Cách mạng Tháng Tám 1945* của nghiên cứu sinh Nguyễn Phú Lợi, các phương pháp nghiên cứu bổ trợ sẽ là nhân học tôn giáo, sử học tôn giáo, triết học tôn giáo, văn hoá học tôn giáo. Với đề tài *Điện thờ tư gia ở Hà Nội* của nghiên cứu sinh Lê Thị Chiêng thì các phương pháp nghiên cứu bổ trợ sẽ là nhân học tôn giáo, xã hội học tôn giáo, sử học tôn giáo, văn hoá học tôn giáo, triết học tôn giáo,v.v...

Tóm lại, xét cho đến cùng, sự chưa hợp lí khi nhận xét nội dung hầu hết luận án của các nghiên cứu sinh các khoá I và II của cơ sở đào tạo Viện Nghiên cứu Tôn giáo thời gian qua xuất phát từ sự thiếu hợp lí trong việc xếp loại mã ngành đào tạo của bộ môn tôn giáo học ở Việt Nam. Do vậy, từ những vấn đề vừa mang tính lí luận vừa mang tính thực tiễn đã trình bày, thiết nghĩ Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam nên xem xét và cấp cho tôn giáo học một mã ngành đào tạo riêng biệt./.